

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-02-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Luận

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày **19** tháng **02** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **NTH**, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **CĐL**, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Chị NTH - *Có mặt.*

Anh CĐL - *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị NTH trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh CĐL kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh L tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, giữa chị và anh L thường xuyên mâu thuẫn,

cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Năm 2005 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh L để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh CĐL có 01 con chung là cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - anh CĐL vắng mặt tại phiên tòa.**

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2020 anh CĐL trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị NTH kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, anh cũng không đánh chửi gì đối với chị H. Lý do chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ là do nhà anh chật, không có chỗ ở và sinh hoạt được thoải mái. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2006 cho đến nay. Khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh cũng vẫn đi lại 02 nơi chứ anh và chị H không có mâu thuẫn gì. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị NTH có 01 con chung là cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mà để chị H tự nguyện, nhưng nhà của anh ở hơi chật. Hiện anh làm nghề thợ xây thu nhập 3-4 triệu/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị NTH không đồng ý đoàn tụ và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh CĐL; chị H giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng Dân sự; Các đương sự: Chị NTH đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh CĐL chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTH và cho chị H được ly hôn anh CĐL; **Về con chung:** Đề nghị giao cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Giang tròn 18 tuổi; **về cấp dưỡng:** Anh CĐL không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về

tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét; *Về án phí:* Chị NTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh CĐL hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh CĐL: Anh CĐL đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh L đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành trực tiếp ghi ý kiến của anh L về việc chị H xin ly hôn nên việc vắng mặt tại phiên tòa của anh L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh CĐL.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTH và anh CĐL kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ngày 12/4/2004 nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị H thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Chương Mỹ từ năm 2005 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh CĐL cho rằng vợ chồng sống bình thường không có mâu thuẫn gì, anh L thừa nhận chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2006.

Nhận thấy: Chị NTH và anh CĐL đã ly thân một thời gian dài (từ năm 2005), giữa chị H và anh L không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị H + anh L), nay chị H không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị NTH và anh CĐL là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và cho chị H được ly hôn anh L để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị NTH và anh CĐL có 01 con chung là cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005. Hiện cháu Giang đang sống cùng chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Giang. Xét thấy, cháu đã ở cùng chị H từ khi vợ chồng ly thân năm 2005 và cháu Giang cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H nên cần chấp

nhận nguyện vọng của chị H và giao cháu CNHG cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Giang đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh CĐL có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của chị H nên cần chấp nhận và tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh L cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị NTH và anh CĐL không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị NTH được ly hôn anh CĐL.

2. Về con chung: Chị NTH và anh CĐL có 01 con chung là cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005.

Giao cháu CNHG, sinh ngày 26/01/2005 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu CNHG đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh CĐL có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh CĐL không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh CĐL cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị NTH phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị NTH đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004370 ngày 26 tháng 11 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị NTH có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh CĐL có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long